

PHỤ LỤC SỐ 04

(Ban hành kèm theo thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI NĂM 2021

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600259916, cấp lần 1 ngày 30/12/2005, cấp lại lần thứ 15 ngày 08/01/2021 tại Sở Kế hoạch – Đầu tư Đồng Nai;
- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 200.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: số 200, Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Số điện thoại: 02513.899860
- Số fax: 02513.899750
- Website: dgtc.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): DGT
- Các sự kiện khác: Không có

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp - Kinh doanh nhà. - Hợp đồng xây dựng-kinh doanh-Chuyển giao (BOT) - Cho thuê nhà xưởng, kho bãi. (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và thực hiện theo Điều 11 Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014)	6810
2	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá Chi tiết Chế biến đá (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	2396
3	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: nạo vét kênh, rạch (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	0899
4	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
5	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không kinh doanh tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh	5510

	doanh theo quy định của pháp luật	
6	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá	5210
7	Phá dỡ	4311
8	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4329
9	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
10	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, phòng karaoke và các dịch vụ kèm theo) (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật) (riêng kinh doanh theo quy định của pháp luật và phù hợp)	5610
11	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: sản xuất gạch, ngói bằng lò nung tuynen.(không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	2392
12	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề Chi tiết: Kinh doanh khu vui chơi giải trí	9321
13	Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa (trừ kinh doanh bến thuỷ nội địa)(chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	5022
14	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng (về VLXD, không chứa hàng tại trụ sở)	4663
15	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	4933
16	Khai thác và thu gom than bùn Chi tiết: Khai thác và thu gom than bùn (hoạt động khi có giấy phép) (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi được cấp giấy phép khai thác và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	0892
17	Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4321
18	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, tư vấn thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng; chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định)	7020
19	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác vật liệu xây dựng (trừ khai thác cát) (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác mỏ và đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	0810
20	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dung hữu hình khác không kèm người điều khiển (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	7730
21	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	2395
22	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	5221

23	Xây dựng nhà để ở	4101
24	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	3900
25	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	7110(chính)
26	Xây dựng nhà không để ở	4102
27	Xây dựng công trình đường sắt	4211
28	Xây dựng công trình đường bộ	4212
29	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa.(không hoạt động bến thủy nội địa tại trụ sở) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	5222
30	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
31	Bốc xếp hàng hoá (trừ hoạt động bến thủy nội địa)	5224
32	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
33	Xây dựng công trình công ích khác	4229
34	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
35	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
36	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
37	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4322
38	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
39	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
40	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
41	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	4520
42	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530

Địa bàn kinh doanh: tại tỉnh Đồng Nai và một số tỉnh lân cận.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị.

- Cơ cấu bộ máy quản lý.

Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Tổng Giám đốc

- Các công ty con, công ty liên kết: 05 Công ty con trực thuộc là:

Công ty TNHH MTV Sản xuất và kinh doanh Vật liệu Xây dựng DGT

Công ty TNHH MTV Đầu tư DGT.

Công ty TNHH MVT DGT Vũng Tàu

Công ty TNHH MTV DGT Đồng Tháp

Công ty TNHH MTV DGT Nghệ An

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

+ Đảm bảo mức sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, xe máy, thiết bị hiện có của công ty.

+ Đảm bảo mức lợi nhuận hàng năm của Công ty từ 5% trở lên và mức chia cổ tức hàng năm từ 10-15%.

+ Đẩy mạnh đầu tư các dự án đặc biệt là các dự án gần hoàn tất thủ tục pháp lý và đầu tư xây dựng cơ bản để nhanh chóng tạo ra nguồn doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

+ Nghiên cứu, tìm kiếm phát triển các dự án mới tạo ra nguồn doanh thu ổn định trong tương lai.

+ Tăng dần tỷ trọng doanh thu của các dự án trên tổng doanh thu của toàn Công ty.

+ Giảm dần tỷ lệ vốn vay bổ sung vốn lưu động trên doanh thu trong thi công xây dựng cơ bản từ nguồn thu từ các dự án mang lại.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Chiến lược trung hạn:

+ Củng cố, sắp xếp lại bộ máy quản lý và các tổ, nhóm, đội thi công ... cho phù hợp với tình hình đổi mới.

+ Chấn chỉnh công tác quản trị nhân sự, quản trị văn phòng.

+ Chủ động liên hệ làm việc với các cơ quan, ban ngành địa phương tiếp cận nguồn công việc hiện khá dồi dào tại địa phương.

+ Mở rộng sang lĩnh vực thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.

+ Đẩy mạnh tìm kiếm các công trình mới để đảm bảo sản lượng và doanh thu cho những năm tiếp theo;

+ Đẩy mạnh hoàn tất các thủ tục pháp lý và công tác đầu tư Xây dựng cơ bản các dự án đang triển khai để tạo ra sản phẩm mang về doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, cụ thể các dự án đang triển khai như sau: Mỏ đá Tân Cang 4, Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng...

Chiến lược dài hạn:

+ Từng bước củng cố và phát triển ổn định, bền vững ngành nghề truyền thống thi công xây lắp công trình và khai thác vật liệu xây dựng...

+ Tìm kiếm, nghiên cứu phát triển các dự án mới tạo nguồn thu ổn định lâu dài cho Công ty, đầu tư khu công nghiệp, đầu tư các dự án khoáng sản...

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

+ Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Nhà nước về vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ trong lĩnh vực thi công xây dựng cơ bản và các dự án.

+ Thi công các công trình đảm bảo tiến độ và chất lượng góp phần vào sự phát triển cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật tại các địa phương Công ty thực hiện thi công xây lắp.

+ Tích cực tham gia đóng góp cho các chương trình từ thiện xã hội tại các địa phương, địa bàn Công ty thi công xây dựng và thực hiện dự án.

+ Ưu tiên tuyển dụng nhân sự bổ sung tại các địa bàn Công ty thi công xây dựng và thực hiện dự án nhằm góp phần giải quyết việc làm cho người dân địa phương.

+ Đảm bảo tốt chế độ làm việc, lương thưởng và các chế độ chính sách cho người lao động.

+ Chia sẻ với cộng đồng và người nghèo bằng cách: tham gia các chương trình xã hội do địa phương, tổng công ty phát động; hàng năm xây dựng nhà tình thương cho người nghèo.

+ Khuyến khích nhân viên tham gia hiến máu nhân đạo hằng năm và làm công tác từ thiện, giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn.

5. Các rủi ro: Không

II. Tình hình hoạt động trong năm

1/ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

ĐVT: triệu đồng

STT	Một số chỉ tiêu chủ yếu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch năm 2021 (%)	Tỷ lệ thực hiện năm 2021/năm 2020 (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
1	Doanh thu	664.667	687.950	499.384	72,59%	75,1%
2	Lợi nhuận trước thuế	88.374	67.090	18.894	28,16%	21,4%
3	Nộp ngân sách	5.393		69.811		1.294,5%

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

+ Trần Ngọc Minh – Tổng Giám đốc

- Những thay đổi trong ban điều hành: Có

+ Ông Trần Minh Thuyết – Phó Tổng Giám đốc Công ty nghỉ việc.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 73 người (không tính lao động thuê thời vụ).

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Dự án Mỏ đá Tân Cang 4 (25,674 hecta):

Về công tác đền bù:

- Công ty đã quyết toán xong kinh phí bồi thường, hỗ trợ với số tiền là: 49.481.962.000 đồng.

- Đã nhận bàn giao mặt bằng 22,974ha.

- Còn 2,7ha Trung Tâm quỹ đất thành phố Biên Hòa chưa bàn giao mặt bằng.

- Công ty đang làm thủ tục thuê đất với những diện tích đã bàn giao mặt bằng và văn bản xác nhận hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ của UBND TP Biên Hòa. Tuy nhiên trong quá trình làm hồ sơ còn vướng ở tiến độ thực hiện dự án trong Giấy chứng nhận đầu tư đã hết hạn (2009-2011), do vậy phải điều chỉnh sau đó mới thực hiện các bước tiếp theo.

Về công tác khai thác:

- Xây dựng cơ bản cơ bản đã thực hiện xong.

- Máy móc thiết bị hoàn thiện và đưa vào sử dụng 3 dây chuyền máy xay đá.

- Hoàn thành công tác bóc phủ và khai thác tầng 1 và một phần của tầng 2.

- Tổng khối lượng khai thác khoảng 1.500.000 tấn đá thành phẩm các loại.

3.2. Dự án Mỏ cát Đắc Lua (20 Km đường sông):

Năm 2021 khai thác được khoảng 9.000m³ cát.

3.3. Dự án trạm trộn BTN:

Trong năm 2021, trạm trộn bê tông nhựa nóng trộn được khoảng 10.000 tấn.

3.4. Khu đất văn phòng Công ty:

Đang tiếp tục thực hiện điều chỉnh pháp lý khu đất để triển khai dự án đầu tư Trung tâm thương mại kết hợp văn phòng cho thuê, căn hộ cao cấp và hợp tác liên danh khai thác mặt bằng.

3.5. Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty:

Công ty chưa thực hiện xong việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty từ 200.000.000.000 đồng lên thành 790.000.000.000 đồng.

3.6. Đầu tư tài chính:

Ngày 15/10/2021 Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai trở thành cổ đông lớn nắm giữ trên 5% cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp cụ thể là 3.600.000 cổ phiếu tương đương 9,33%.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tăng (%)
Tổng giá trị tài sản	1.217.718.579.516	849.362.070.633	
Doanh thu thuần	664.667.829.682	499.384.187.387	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	89.941.627.862	18.782.358.082	
Lợi nhuận khác	-1.567.446.959	112.436.922	
Lợi nhuận trước thuế	88.374.180.903	18.894.795.004	
Lợi nhuận sau thuế	88.157.499.050	15.709.839.479	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	1,252	0,693	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn	1,050	0,331	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,789	0,680	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,749	2,123	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	6,778	4,174	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,546	0,588	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,133	0,031	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,344	0,058	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,072	0,018	
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh Doanh/Doanh thu thuần	0,135	0,038	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Quản lý nguồn nguyên liệu:

a/ Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không.

b/ Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không.

6.2/ Tiêu thụ năng lượng:

a/ Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

- Tổng số lượng điện sử dụng cho văn phòng (gián tiếp) là 64.268 kW – tương đương 209.528.900 đồng.

- Tổng số lượng điện sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại khu đất KCN Biên Hòa 1 và Bến thủy nội địa là 360.520 kW – tương đương 1.074.070.182 đồng.

- Tổng số lượng điện sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại khu đất Mỏ đá Tân Cang 4 (bao gồm Trạm trộn BTN) là 2.692.353 kW – tương đương 5.339.905.785 đồng.

b/ Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có

c/ Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

6.3/ Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm).

a/ Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nước cấp chủ yếu phục vụ sinh hoạt cho cán bộ công nhân viên. Nguồn cấp nước từ các công ty cung cấp nước của địa phương đặt trụ sở văn phòng hoặc công trường thi công.

Tổng khối lượng nước tính đến hết năm 2021 (bao gồm văn phòng công ty và bến thủy nội địa) là 4.349 m³ – tương đương 70.262.125 đồng.

b/ Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.4/ Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a/ Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b/ Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Tổng số lao động đến nay là 73 người, mức lương trung bình đối với người lao động 7,5 triệu đồng/người

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: hằng năm Công ty khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, tiền ăn giữa ca 30.000d/người, trang cấp đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho người lao động, chi lương bổ sung (1,5 tháng lương thứ 13 cho người lao động).

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

- Công ty chú trọng đến công tác đào tạo, tập trung đào tạo tại chỗ cho người lao động, gửi người lao động đi đào tạo theo từng chuyên môn cho người lao động.

- Thường xuyên tìm kiếm việc làm ổn định cho người lao động để phát triển chuyên môn và sự nghiệp.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Ủng hộ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt, đóng góp quỹ đảm bảo an ninh khu vực nơi Công ty đặt trụ sở làm việc,...

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty).

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2021, Công ty đã từng bước đi vào hoạt động ổn định và đã đạt được một số kết quả như sau:

1./ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Th/hiện 2020	K/hoạch 2021	Th/hiện 2021	(%) thực hiện/kế hoạch
1	Tổng tài sản	1.217.718		849.362	
2	Tổng Doanh thu và thu nhập khác				
	+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	664.667	731.134	499.384	68,3%
	+ Doanh thu hoạt động tài chính	861	947	487	51,42%
	+ Thu nhập khác	3.421	3.763	5.972	158,7%
3	Tổng chi phí				
	+ Giá vốn hàng bán	527.332	580.065	431.881	74,45%
	+ Chi phí tài chính	35.482	39.030	37.004	94,81%
	+ Chi phí bán hàng	701	771	725	94,02%
	+ Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.070	13.277	11.477	86,44%
	+ Chi phí khác	4.989	5.488	5.860	106,78%
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	88.374	97.211	18.894	19,44%
5	Thuế TNDN	216	238	3.184	1.340,07%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	88.157	96.973	15.709	16,2%
7	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.399,1%		0,0785%	
8	Lãi cơ bản trên cổ phần (đồng/cổ phần)	13.009		785	

2./ Chi tiết tình hình một số lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

2.1/ Hoạt động thi công xây lắp:

- Công trình thi công móng đá và trải thảm bê tông nhựa tuyến Meetro Bến Thành.
- Thi công thăm BTNN Gói thầu xây lắp: “Thi công đường cát hạ cánh, đường lăn, hệ thống thoát nước, sơn kẻ tín hiệu và các công trình phụ trợ đồng bộ thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp đường cát hạ cánh, đường lăn Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất”.

2.2/ Thực hiện đầu tư các dự án trọng điểm.

2.2.1/ Dự án Mỏ đá Tân Cang 4 (25,674 hécta):

Về công tác đền bù:

- Công ty đã quyết toán xong kinh phí bồi thường, hỗ trợ với số tiền là: 49.481.962.000 đồng.
- Đã nhận bàn giao mặt bằng 22,974ha.

- Còn 2,7ha Trung Tâm quỹ đất thành phố Biên Hòa chưa bàn giao mặt bằng.

- Công ty đang làm thủ tục thuê đất với những diện tích đã bàn giao mặt bằng và văn bản xác nhận hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ của UBND TP Biên Hòa. Tuy nhiên trong quá trình làm hồ sơ còn vướng ở tiến độ thực hiện dự án trong Giấy chứng nhận đầu tư đã hết hạn (2009-2011), do vậy phải điều chỉnh sau đó mới thực hiện các bước tiếp theo.

Về công tác khai thác:

- Xây dựng cơ bản cơ bản đã thực hiện xong.

- Máy móc thiết bị hoàn thiện và đưa vào sử dụng 3 dây chuyền máy xay đá.

- Hoàn thành công tác bóc phủ và khai thác tầng 1 và một phần của tầng 2.

- Tổng khối lượng khai thác khoảng 1.500.000 tấn đá thành phẩm các loại.

3.2. Dự án Mỏ cát Đắc Lua (20 Km đường sông):

Năm 2021 khai thác được khoảng 9.000m³ cát tương đương 2,7 tỷ đồng.

2.2.2/ Dự án trạm trộn BTN:

Trong năm 2021, trạm trộn bê tông nhựa nóng đã phân đấu đạt được 10.000 tấn tương đương 11.000.000.000 đồng.

2.2.3/ Khu đất văn phòng Công ty:

Đang tiếp tục thực hiện điều chỉnh pháp lý khu đất để triển khai dự án đầu tư Trung tâm thương mại kết hợp văn phòng cho thuê, căn hộ cao cấp và hợp tác liên danh khai thác mặt bằng.

2.2.4/ Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty:

Công ty đã chưa thực hiện xong việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty từ 200.000.000.000 đồng lên thành 790.000.000.000 đồng.

3. Tình hình tài chính:

Một số chỉ tiêu tài chính trong năm 2021 như sau:

DVT: việt nam đồng

I.	Tổng tài sản	:	849.362.070.633
1.	Tài sản ngắn hạn	:	395.846.519.089
a.	Tiền và các khoản tương đương tiền	:	22.801.791.468
b.	Các khoản phải thu ngắn hạn	:	137.869.545.604
c.	Hàng tồn kho	:	206.929.647.188
d.	Tài sản ngắn hạn khác	:	8.275.825.129
e.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	:	19.969.709.700
2.	Tài sản dài hạn	:	453.515.551.544
a.	Tài sản cố định	:	13.617.269.129
b.	Tài sản dài hạn khác	:	84.099.097.286
c.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	:	270.366.620.062
d.	Chi phí XD/CB dở dang	:	2.342.051.844
e.	Các khoản phải thu dài hạn	:	83.090.513.223
f.	Bất động sản đầu tư	:	
II.	Tổng nguồn vốn	:	849.362.070.633
1.	Nợ phải trả	:	577.433.700.760

a.	Nợ ngắn hạn	:	571.457.200.760
b.	Nợ dài hạn	:	5.976.500.000
2.	Vốn chủ sở hữu	:	271.928.369.873
a.	Vốn đầu tư chủ sở hữu	:	271.928.369.873
b.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	:	

a) Tình hình tài sản:

Tổng giá trị tài sản giảm 32% tương đương 400 tỷ do các khoản phải thu giảm trong năm 2021

b) Tình hình nợ phải trả:

Tổng nợ phải trả trong năm giảm 58% theo chỉ số tài chính năm 2021, các khoản phải trả nhà nước và chi phí phải trả ngắn hạn công trình giảm

4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: trong năm công ty đã kiện toàn bộ máy tổ chức, ra các quy định, nội quy quản lý Công ty, giải quyết chế độ chính sách cho CB.CNV.

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

+ Đảm bảo mức tăng doanh thu hàng năm từ 15-20%.

+ Đảm bảo mức lợi nhuận hàng năm của Công ty từ 5% trở lên và mức chia cổ tức hàng năm từ 5-10%.

+ Đẩy mạnh đầu tư các dự án đặc biệt là các dự án gần hoàn tất thủ tục pháp lý và đầu tư xây dựng cơ bản để nhanh chóng tạo ra nguồn doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

+ Nghiên cứu, tìm kiếm phát triển các dự án mới tạo ra nguồn doanh thu ổn định trong tương lai.

+ Tăng dần tỷ trọng doanh thu của các dự án trên tổng doanh thu của toàn Công ty.

+ Giảm dần tỷ lệ vốn vay bổ sung vốn lưu động trên doanh thu trong thi công xây dựng cơ bản từ nguồn thu từ các dự án mang lại.

6. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

7. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a/ Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,...).

Công ty luôn quan tâm tuân thủ nghiêm túc các quy định về bảo vệ môi trường, luôn đặt vấn đề sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng, tài nguyên nước và giảm thiểu các phát thải các chất gây ô nhiễm lên hàng đầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: tạo điều kiện đủ công việc làm cho người lao động để đảm bảo thu nhập cho người lao động yên tâm công tác.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2021, Ban lãnh đạo Công ty cùng các tổ chức đoàn thể, đảng bộ, công đoàn, đoàn thanh niên Công ty thực hiện đóng góp nuôi dưỡng 1 bà mẹ: Công ty hỗ trợ 7.300.000 đồng.

Ngoài ra, Công ty còn hỗ trợ đóng góp thực hiện các phong trào, chương trình tại các địa phương có công trình xây dựng và dự án của Công ty.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần):

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Nhìn chung, Tổng giám đốc đã tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị quyết Hội đồng quản trị. Kết quả cụ thể như sau:

a) Về điều hành sản xuất kinh doanh và thực hiện các dự án:

- Tổng giám đốc đã tổ chức thực hiện và đạt được kết quả như đã trình bày ở trên;
- Tiếp tục điều chỉnh định mức tiêu hao nhiên liệu đối với xe công vụ, khoán xăng công tác cho CB-NV và khoán chi phí điện thoại... để tiết kiệm chi phí quản lý;
- rà soát, điều chỉnh mức khoán theo từng công trình.

b) Về công tác tổ chức nhân sự - Bộ máy hoạt động của Công ty.

- Thực hiện chương trình tái cấu trúc Công ty, về tổ chức, nhân sự và nâng cao năng lực sản xuất đã thực hiện các nội dung sau:

- + Sắp xếp lại các phòng/ban chuyên môn cho phù hợp với điều kiện thực tế;
- + Tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống quản lý tổng thể, bao gồm việc thiết lập và xem xét điều chỉnh nội quy, các quy chế, quy định, thủ tục, biểu mẫu ...
- + Duy trì họp giao ban hàng tháng (Ban Tổng giám đốc, các trưởng, phó phòng/ban/đội thi công);
- + Công tác phát triển nguồn nhân lực: tổ chức đào tạo cho CB.CNV học lớp về ATVSLĐ và các chuyên môn khác;

- Tổng số lao động của công ty đến ngày 31/12/2021 là 73 người (15 nữ); Trong đó:

- + Trình độ Cao học : 03 người,
- + Trình độ Đại học : 37 người,
- + Trình độ Cao đẳng : 02 người,
- + Trình độ Trung cấp : 4 người,
- + Công nhân kỹ thuật : 27 người,

- Các tổ chức chính trị, đoàn thể đều được tạo điều kiện hoạt động theo quy định.

định hư

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- + Đảm bảo mức tăng doanh thu hàng năm từ 10-15%.
- + Đảm bảo mức lợi nhuận hàng năm của Công ty từ 5% trở lên và mức chia cổ tức hàng năm từ 10-15%.

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị:

a/ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Số lượng 5 người
- Thành viên:
 - + Ông Nguyễn Lâm Tùng, Chủ tịch
 - + Ông Phan Cao Minh, Phó Chủ tịch
 - + Ông Trần Quang Tuấn, Phó Chủ tịch
 - + Ông Trần Ngọc Minh, Thành viên

+ Ông Phạm Trần Ái Trung, Thành viên

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban): không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị tổ chức 18 cuộc họp định kỳ như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Nghị quyết số: 02/NQ-HĐQT	08/01/2021	Thông qua triển khai thực hiện việc giải chấp hồ sơ tài sản đảm bảo đã thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng thế chấp số 2402/2017/378288/HĐBĐ ngày 24/02/2017 để hoàn tất thủ tục phát hành trái phiếu huy động vốn. Nguồn vốn thu được từ việc phát hành trái phiếu và các nguồn thu từ sản xuất kinh doanh dùng để trả toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng trước ngày 30/06/2021.	100%
2	Nghị quyết số: 07/NQ-HĐQT	29/03/2021	Thông qua ngày chốt danh sách, nội dung, thời gian, địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.	100%
3	Nghị quyết số: 08/NQ-HĐQT	28/04/2021	Gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.	100%
4	Nghị quyết số: 09/NQ-HĐQT	29/04/2021	Thông qua tài liệu và chương trình nghị sự ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.	100%
5	Nghị quyết số: 28/NQ-HĐQT	20/05/2021	Miễn nhiệm, bổ nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT và ban hành Quy chế HĐQT DGT.	100%
6	Nghị quyết số: 29/NQ-HĐQT	31/05/2021	Thành lập Văn phòng HĐQT.	100%
7	Nghị quyết số: 30/NQ-HĐQT	31/05/2021	Thành lập công ty con ở Nghệ An (Công ty TNHH MTV DGT - Nghệ An).	100%
8	Nghị quyết số: 31/NQ-HĐQT	10/06/2021	Thành lập công ty con ở Bà Rịa - Vũng Tàu (Công ty TNHH MTV DGT - Vũng Tàu).	100%
9	Nghị quyết số: 32/NQ-HĐQT	28/06/2021	Chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội làm đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính.	100%
10	Nghị quyết số: 34/NQ-HĐQT	28/09/2021	Triệu tập ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2021.	100%
11	Nghị quyết số: 35/NQ-HĐQT	06/10/2021	Thông qua phương án đầu tư mua cổ phiếu tại các Công ty mục tiêu.	100%
12	Nghị quyết số: 36/NQ-HĐQT	20/10/2021	Miễn nhiệm, bổ nhiệm Kế toán trưởng.	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
13	Nghị quyết số: 37/NQ-HĐQT	29/10/2021	Thông nhất kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ Bất thường lần 1 năm 2021.	100%
14	Nghị quyết số: 39/NQ-HĐQT	22/11/2021	Chấp thuận ký kết hợp đồng tư vấn phát hành cổ phiếu với tổ chức có liên quan của người nội bộ.	100%
15	Nghị quyết số: 40/NQ-HĐQT	22/11/2021	Thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ.	100%
16	Nghị quyết số: 41/NQ-HĐQT	29/12/2021	Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỉ lệ sở hữu nước ngoài.	100%
17	Nghị quyết số: 42/NQ-HĐQT	29/12/2021	Thông qua phương án tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Đầu tư DGT.	100%
18	Nghị quyết số: 43/NQ-HĐQT	30/12/2021	Thành lập công ty con ở Đồng Tháp (Công ty TNHH MTV DGT – Đồng Tháp).	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp. Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm. Không có.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

1. Cơ cấu Ban Kiểm soát:

- Số lượng thành viên: 3 thành viên, gồm:

- Thành viên:

+ Bà Vũ Thị Thanh Thủy, Trưởng ban

+ Bà Trịnh Thị Thùy Dung, Thành viên

+ Bà Bùi Thị Thúy Minh, Thành viên

- Hoạt động của Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát theo chế độ trách nhiệm cá nhân, kết hợp với chế độ làm việc tập thể của Ban Kiểm soát, họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thù lao thành viên Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát:

- Thù lao Chủ tịch Hội đồng quản trị: 30.000.000 đồng/người/tháng;

- Thù lao Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị: 15.000.000 đồng/người/tháng;

- Thù lao thành viên Hội đồng quản trị: 10.000.000 đồng/người/tháng;

- Thù lao Trưởng Ban kiểm soát: 10.000.000 đồng/người/tháng;
- Thù lao thành viên Ban Kiểm soát: 5.000.000 đồng/người/tháng;
- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên): không có
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên): không có
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty): không có

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

- Đơn vị kiểm toán độc lập: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI – CHI NHÁNH SÀI GÒN

- Ý kiến của kiểm toán trong báo cáo tài chính năm 2021:

Ý kiến kiểm toán viên: Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021, bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Các Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh: Chúng tôi không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần như đã nêu trên, mà chỉ muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh về các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Trong năm 2021, Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai có phát sinh Doanh thu giảm so với năm 2021, giảm 191.091.486.210 VND so với năm trước, tương đương giảm 27,67%; đồng thời Giá vốn giảm 119.227.149.874 VND, tương đương 21,63%. Điều này khiến cho Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty giảm 71.864.336.336 VND, tương đương 51,56%; Lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 69.372.618.752 VND, và Lợi nhuận kế toán sau thuế giảm 72.252.323.570 VND.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 của Công ty Cổ phần Công Trình Giao Thông Đồng Nai được đăng đầy đủ trên website của Công ty <http://www.dgtc.vn>

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Minh